NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH 15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 27/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 thông qua theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thông qua số liệu Báo cáo tài chính ("BCTC") hợp nhất năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("**VCB**") đã được kiểm toán, đã được Ban Kiểm soát VCB thẩm định và báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Tổng tài sản	2.442.279.166
2	Vốn chủ sở hữu	224.558.726
	Trong đó: Vốn điều lệ	*83.556.751*
3	Lợi nhuận trước thuế	44.019.637
4	Lợi nhuận sau thuế	35.197.940
	Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng lẻ	34.506.669
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	20.277
6	Lợi nhuận thuần của cổ đông ngân hàng	35.177.663

(VCB công bố thông tin BCTC Riêng lẻ và Hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán trên trang thông tin điện tử (website) của VCB từ ngày 27/03/2026, tham khảo tại đường dẫn: https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Nha-dau-tu. Bản BCTC tóm tắt đính kèm Tờ trình)

Hội đồng quản trị VCB kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung nêu trên.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Mục lục

	Trang
Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt	1
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tóm tắt	2 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tóm tắt	5 - 6

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future with confidence

Số tham chiếu: 12163420/E-68713727-HNTT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 2 đến trang 6, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 27 tháng 3 năm 2026.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm báo cáo lưu chuyển tiền tệ và tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng và các công ty con.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt của Ngân hàng theo các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – *Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt*.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng và các công ty con đã được kiểm toán đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và phù hợp với các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà	Nguyễn Văn Trung
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**		
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**15.542.769**	**14.268.064**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")**	**37.445.504**	**49.340.493**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**522.474.362**	**389.951.898**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	515.588.640	384.031.890
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.885.722	6.920.008
3	Dự phòng rủi ro	-	(1.000.000)
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**11.832.577**	**4.876.237**
1	Chứng khoán kinh doanh	11.900.000	4.908.527
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(67.423)	(32.290)
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**374.918**	**1.314.434**
VI	**Cho vay khách hàng**	**1.648.549.996**	**1.418.015.724**
1	Cho vay khách hàng	1.673.525.675	1.449.198.899
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(24.975.679)	(31.183.175)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**	**162.104.164**	**167.383.349**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	143.080.817	86.799.901
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	22.384.962	80.829.540
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(3.361.615)	(246.092)
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**2.260.727**	**2.228.098**
2	Vốn góp liên doanh	734.296	763.736
3	Đầu tư vào công ty liên kết	12.342	10.440
4	Đầu tư dài hạn khác	1.589.089	1.528.922
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(75.000)	(75.000)
X	**Tài sản cố định**	**8.163.312**	**8.092.877**
1	Tài sản cố định hữu hình	5.618.793	5.530.579
a	*Nguyên giá tài sản cố định*	*16.271.880*	*15.808.302*
b	*Khấu hao tài sản cố định*	*(10.653.087)*	*(10.277.723)*
3	Tài sản cố định vô hình	2.544.519	2.562.298
a	*Nguyên giá tài sản cố định*	*5.284.812*	*5.072.735*
b	*Hao mòn tài sản cố định*	*(2.740.293)*	*(2.510.437)*
XII	**Tài sản Có khác**	**33.530.837**	**30.402.348**
1	Các khoản phải thu	17.577.148	14.040.294
2	Các khoản lãi, phí phải thu	10.007.221	8.868.303
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	13.072	991.748
4	Tài sản Có khác	5.951.102	6.516.040
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(17.706)	(14.037)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	**2.442.279.166**	**2.085.873.522**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	**160.128.325**	**78.237.337**
1	Tiền gửi và vay Chính phủ và NHNN	160.128.325	78.237.337
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	**321.158.102**	**234.533.958**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	305.902.847	223.171.381
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	15.255.255	11.362.577
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**1.672.534.846**	**1.514.664.850**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	**-**	**529**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**27.101.221**	**24.125.059**
VII	**Các khoản nợ khác**	**36.797.946**	**38.102.621**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	15.457.974	13.990.276
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21.339.972	24.112.345
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**2.217.720.440**	**1.889.664.354**
VIII	**Vốn chủ sở hữu**		
1	Vốn của tổ chức tín dụng	89.361.977	61.696.139
a	*Vốn điều lệ*	*83.556.751*	*55.890.913*
c	*Thặng dư vốn cổ phần*	*4.995.389*	*4.995.389*
g	*Vốn khác*	*809.837*	*809.837*
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	48.221.262	37.052.974
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(918.676)	(968.292)
5	Lợi nhuận chưa phân phối	87.822.642	98.332.086
a	*Lợi nhuận để lại năm trước*	*66.848.572*	*74.498.539*
b	*Lợi nhuận để lại năm nay*	*20.974.070*	*23.833.547*
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	71.521	96.261
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	**224.558.726**	**196.209.168**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.442.279.166**	**2.085.873.522**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT		
1	Bảo lãnh vay vốn	5.884.776	286.899
2	Cam kết giao dịch hối đoái	214.549.855	345.715.424
	Cam kết mua ngoại tệ	*5.273.045*	*2.420.843*
	Cam kết bán ngoại tệ	*5.264.724*	*2.429.276*
	Cam kết giao dịch hoán đổi	*204.012.086*	*340.865.305*
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	59.885.411	49.750.002
5	Bảo lãnh khác	93.208.941	58.052.470
6	Các cam kết khác	32.319.442	34.816.276
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	2.106.463	2.788.354
8	Nợ khó đòi đã xử lý	83.546.262	74.144.216
9	Tài sản và chứng từ khác	682.580.395	534.590.122

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Bà La Thị Hồng Minh	Ông Lê Hoàng Tùng
Phó phòng *Chính sách Tài chính Kế toán*	*Kế toán Trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tóm tắt cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	105.216.484	93.654.841
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(46.445.074)	(38.249.106)
I	**Thu nhập lãi thuần**	**58.771.410**	**55.405.735**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	11.854.532	13.143.005
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(8.384.665)	(8.006.444)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**	**3.469.867**	**5.136.561**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**6.165.112**	**5.291.751**
IV	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**171.160**	**62.123**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**3.616**	**3.444**
5	Thu nhập từ hoạt động khác	5.269.108	4.468.806
6	Chi phí hoạt động khác	(1.677.513)	(2.097.103)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	**3.591.595**	**2.371.703**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**281.862**	**307.179**
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	**72.454.622**	**68.578.496**
VIII	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**	**(25.242.799)**	**(23.027.363)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**47.211.823**	**45.551.133**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**(3.192.186)**	**(3.314.998)**
XI	**TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (MANG SANG TRANG SAU)**	**44.019.637**	**42.236.135**

STT	Chỉ tiêu	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
XI	**TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (MANG SANG TỪ TRANG TRƯỚC)**	**44.019.637**	**42.236.135**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(7.842.997)	(8.526.496)
8	(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(978.700)	143.478
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**(8.821.697)**	**(8.383.018)**
XIII	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**	**35.197.940**	**33.853.117**
XIV	**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**	**(20.277)**	**(21.731)**
XV	**Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng**	**35.177.663**	**33.831.386**
XVI	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**3.854**	**3.727**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Bà La Thị Hồng Minh	Ông Lê Hoàng Tùng
Phó phòng *Chính sách Tài chính Kế toán*	*Kế toán Trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*